

Đặc trưng cung đình của thơ ca các chúa Trịnh

Nguyễn Mạnh Hoàng¹

¹ Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: hoangthongtinnhuvan@gmail.com

Nhận ngày 15 tháng 1 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 3 năm 2019.

Tóm tắt: Trong sự phát triển văn học thời Lê - Trịnh, các thi nhân chúa Trịnh đã để lại dấu ấn đậm nét thơ ca. Dòng thơ ca các chúa Trịnh mang đậm tính chất cung đình, nội dung tư tưởng thường tập trung vào các vấn đề cơ bản như: ca ngợi xã hội, triều đại thái bình, thịnh trị; tỏ rõ khẩu khí của các đấng minh quân trong các công việc trị sự; giáo huấn các phạm trù đạo đức, nhân luân cũng như chức phận của quan, dân trong vương triều; phủ dụ, giáo huấn các bề tôi. Ngôn ngữ, bút pháp thơ ca các chúa Trịnh mang đậm tính chất kinh viện, đài các, bác học, khuôn thức.

Từ khóa: Thơ ca, chúa Trịnh, cung đình, văn học, thời Lê - Trịnh.

Phân loại ngành: Văn học

Abstract: In the development of the literature under the Le-Trinh period, poets, who were Trinh Lords, left their profound imprints. Their poetry line is imbued with the royal court character, with the contents focused on basic issues such as praising the peacefulness and prosperity of the society and the dynasty, and demonstrating clearly the ambitions of the Lords, who were the de facto rulers in governing the country. The issues also include educating the subjects of morality and the ethical relationships among them, and the functions and obligations of mandarins and the grassroots... The language and composition styles in the Trinh Lords' poems were highly academic, aristocratic, scholarly and following patterns.

Keywords: Poetry, Trinh Lords, royal court, literature, Le-Trinh period.

Subject classification: Literature

1. Mở đầu

Họ Trịnh là một vọng tộc phong kiến đã kiểm soát quyền lực nhà nước Đại Việt

trong hầu hết cả thời Lê - Trịnh (1533-1788), khi nhà Lê tuy không có thực quyền nhưng vẫn duy trì được ngôi vị. Các chúa Trịnh ý thức rằng, sự nghiệp “trung hưng”

đất nước muốn thành công vẫn phải dựa trên ảnh hưởng và uy tín của nhà Lê nên đã áp dụng một định chế mà ở đó vua Lê vẫn được duy trì ngôi vị trên danh nghĩa, nhưng thực quyền lại nằm trong tay chúa Trịnh. Mô hình chính trị này là một thiết chế hết sức đặc biệt trong lịch sử phong kiến Việt Nam - thiết chế “lưỡng đầu” vua Lê - chúa Trịnh. Các chúa Trịnh về cơ bản giữ thái độ hòa kính với vua Lê; còn các vua Lê cũng cơ bản chấp nhận tình thế của mình (dù có thể mang tính hình thức, và đôi khi cũng xảy ra những xung đột nhất định giữa vua Lê và chúa Trịnh, nhưng chưa đến mức đổ vỡ). Trước chính sách đó, cộng với thực tế hiển hiện là các vua Lê tài năng hạn chế, các chúa Trịnh mới có khả năng điều hành đất nước, dân chúng Đại Việt (đặc biệt là giới trí thức Nho học) cũng chấp nhận thể chế đó như một lựa chọn không thể khác.

Theo ghi chép của các bộ sử sách như *Đại Việt sử ký tục biên*, *Đại Việt thông sử*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Lịch triều tạp kỷ*... có thể thấy đa số các chúa Trịnh là những người tài và cũng rất trọng dụng nhân tài để trị vì đất nước. Dù luôn phải đương đầu với những thách thức chính trị xã hội phức tạp như việc đối phó với nhà Mạc cùng sức ép chính trị từ phương Bắc, các cuộc bạo loạn khởi nghĩa nông dân, sự trỗi dậy của thế lực họ Nguyễn ở phương Nam, nhưng các chúa Trịnh đã thực thi nhiều chính sách, đường lối tích cực để ổn định xã hội và củng cố được quyền lực của mình. Thời Lê - Trịnh, ngoài các thành tựu kinh tế, chính trị, ngoại giao... các chúa Trịnh trong những năm tháng cầm quyền đã tỏ rõ ý thức kiến tạo bản sắc văn hóa dân tộc Đại Việt. Văn hóa Đại Việt thời kỳ này đã để lại những di sản to lớn cho đất nước như: lễ nhạc, văn chương, kiến trúc, điêu

khắc, gốm sứ, âm nhạc, vũ đạo, trang phục... Về đại thể, văn hóa thời Lê - Trịnh kế thừa và kết nối hệ tư tưởng thời Lê sơ từ thế kỷ XV lấy Nho giáo làm nền tảng tư tưởng của mọi thiết chế chính trị, xã hội. Còn văn học thời Lê - Trịnh vẫn kế thừa văn học thời Lê sơ từ thế kỷ XV. Đó là nền văn học Đại Việt phản ánh tinh thần của một dân tộc đã cường thịnh với nhiều tác phẩm rất có giá trị. Văn học chữ Hán vẫn là dòng văn học trung tâm, nhưng văn học chữ Nôm đã rất phát triển trên cơ sở kế thừa các thành tựu trước đó. Thơ ca của các chúa Trịnh ra đời và phát triển trên bối cảnh đó.

Dù là những bậc quân vương “Phi đế phi bá/Quyền khuynh thiên hạ” luôn bận rộn chính sự và mãi mê chinh chiến để khẳng định quyền lực của dòng họ, nhưng các chúa Trịnh lại ham mê và có tài năng văn học nên họ đã sáng tác không ít tác phẩm. Mà thực ra, sáng tác văn học đối với các chúa Trịnh cũng một phần là việc “làm chính trị”. Họ để lại cho hậu thế nhiều áng thi ca có giá trị hiện nằm rải rác trong các sách địa chí, lịch sử, gia phả, bia đá, biển gỗ, bảng đồng... ở nhiều danh lam thắng cảnh. Dòng thơ ca các chúa Trịnh chải chuốt, cầu kỳ và mang khẩu khí đế vương, có đóng góp nhất định đối với nền thi ca dân tộc. Bài viết này phân tích những đặc trưng cung đình của thơ ca các chúa Trịnh ở Việt Nam thời trung đại về nội dung; về ngôn ngữ, bút pháp.

2. Đặc trưng thơ ca về nội dung

Dòng thơ ca các chúa Trịnh mang đậm màu sắc chính trị, luân lý. Điều này thể hiện rõ qua *Càn Nguyên ngự chế thi tập* của chúa Trịnh Doanh với các chủ đề như: *Nhàn gia*

chi tắc (Phép tắc trong nhà - 35 bài); *Vi trí chi đạo* (Đạo trị nước - 9 bài); *Nhân sự chi huấn* (Nhân việc mà dạy bảo - 20 bài); *Bao sùng thánh triết* (Tôn sùng các bậc thánh triết - 3 bài); *Cảm thụ thiên hựu* (cảm nhận phúc trời - 16 bài) v.v.. Cảm xúc, tư tưởng, hình tượng nghệ thuật của chúng đều trực tiếp hay gián tiếp gắn với các vấn đề chính trị, đạo đức và bộc lộ hoài bão chính trị của chúa Trịnh. Hay trong *Khâm định thắng bình bách vịnh* của chúa Trịnh Căn, lý tưởng trị quốc an dân còn được thể hiện ở những chủ trương, chủ thuyết cụ thể hơn. Qua chùm thơ *Tam diệu đại thống* của chúa Trịnh Căn luận về ba mối huyền diệu lớn, tức “Thiên”, “Địa”, “Nhân”, còn gọi là “Tam tài”. Trời (quẻ Càn) ở đúng ngôi vị, có đức lớn thì muôn vật phát triển. Đất (quẻ Khôn) nhu thuận, khoan dung, nuôi dưỡng muôn vật. Trời đất giao hòa thì muôn vật sinh sôi phát triển. Bậc quân vương có đức “trung tín”, “hiếu thành”, biết gây dựng nên kỷ cương pháp độ và có kế sách hay, mưu lược tốt đẹp sẽ tạo nên xã hội thịnh trị. Theo nhà thơ, sự hòa hợp của ba yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hòa mang đến sự nghiệp thành công của vương triều. Quan niệm này mang tính hỗn dung, phức tạp, bị quy định bởi tư tưởng truyền thống phương Đông và nhu cầu quản lý con người, quản lý xã hội dựa trên những nguyên lý cơ bản của Nho giáo.

Thời cổ trung đại, các triều đại phong kiến phương Đông thường quan niệm, mỗi khi điềm trời có gì khác lạ, thì ở trần gian trước sau cũng sẽ có những chuyện tương ứng xảy ra. Điềm trời là cách thức Trời dùng để chỉ dạy cho đấng quân vương, xem đã làm đúng hay sai phép tắc, lẽ luật của trời đất, là dấu hiệu cho biết vua chúa có “đức” hay không. Qua khảo sát thơ ca chúa

Trịnh, có thể thấy, họ hết sức lưu ý đến “điềm trời” để đoán biết ý Trời, đoán biết cát hung. Chẳng hạn, chúa Trịnh Cương có bài thơ *Nôm Thời vũ giáng, dân đại duyệt* để mừng “mưa thuận gió hòa” như là ân trạch của trời ban cho chúng sinh, hay bài thơ *Điềm thái lãng* biểu thị sự yên vui thái bình. Hoặc trong *Càn Nguyên ngự chế thi tập*, chúa Trịnh Doanh có chùm thơ độc đáo: *Cảm thụ thiên hựu* với 16 bài thơ cùng đề tài nói trên. Trong đó, bài *Kỳ vũ hoạch ứng* nói về việc cầu mưa được ứng nghiệm; *Cự ngự đăng tân* nói về vận thái bình, thịnh trị; *Thụy vật triệu chủ hòa* nói việc khí dương hòa đến từ hướng Đông, biểu thị sự thịnh vượng, yên vui; *Tiên cầm hiến thụ* nói việc chim tiên dâng điềm lành... Các bài thơ khác như *Hỉ đắc vũ*, *Đắc tiểu vũ dự hỉ*, *Cam lâm ứng đảo*, *Cự ngự đăng tân*, *Thụy vật triệu chủ hòa*, *Tiên cầm hiến thụ*, *Lục nhãn long*, *Linh ba trình thiên khánh*... đều cho thấy Chúa có niềm tin sâu sắc về mối cảm ứng linh diệu giữa trời và người. Chúa làm thơ “cảm thụ thiên hựu”, làm thơ về điềm Trời, phúc trời cũng là để thể hiện uy đức, để khẳng định đức trị dân và thực chất là khẳng định ngôi vị của mình. Vì Chúa có “đức” tốt nên trời ban điềm thái hòa, ban cảnh thái bình, thịnh vượng cho giang sơn. Đón cảnh thái bình, thịnh vượng, Chúa ngẫu hứng làm thơ để báo đáp phúc trời và biểu thị “đức trị” của mình là hợp lẽ trời.

Khảo sát dòng thơ ca các chúa Trịnh, chúng tôi còn thấy khá phổ biến loại hình thơ “bao biếm” chủ yếu trong *Càn Nguyên ngự chế thi tập* - loại thơ có nội dung khen - chê (Bao biếm là khái niệm được dùng trong sử học thời trung đại, chỉ mục đích, chức năng chính của nó là: khen cái đúng đắn, hợp lý tưởng, chê điều trái ngược của các sử gia. Trong thơ cũng có một loại khái

niệm dùng chỉ vấn đề này là thơ “mỹ thích” (ca ngợi và châm biếm), nhưng khái niệm này phần nhiều dùng cho thơ của bề tôi dâng lên bề trên ca ngợi hoặc châm biếm chính sự. Vì vậy, có thể chọn áp dụng khái niệm “bao biếm” của sử trung đại để gọi loại thơ khen ngợi (tụng ca) và loại thơ châm biếm mà các chúa Trịnh dành cho bề tôi của mình). Tuy nhiên có thể thấy thơ ca các chúa Trịnh có vẻ không chỉ dừng lại ở khía cạnh “bao biếm” bề tôi, dân chúng, mà còn bao hàm nội dung ý nghĩa khuyến giới, cảnh tỉnh họ. Chính vì vậy, gọi thơ ca chúa Trịnh là “thơ khuyến giới” có vẻ sát thực hơn, nó cũng rất phù hợp với giọng điệu và khẩu khí quân vương của dòng thơ ca cung đình này. Chẳng hạn, *Cần Nguyên ngự chế thi tập* có các chùm thơ: *Nhân sự chi huấn* (Nhân việc mà dạy bảo - 20 bài); *Khiển chúng tướng vu chinh* (Sai các tướng đi đánh trận - 40 bài); *Mệnh chư hầu xuất trấn* (Sai các quan đi nhậm chức - 11 bài), *Tướng dụ đại thần* (Khen, dụ đại thần - 21 bài), *Tướng lạo sứ thần* (Úy lạo sứ thần - 10 bài) v.v.. Các chùm thơ này được viết nhằm khích lệ các tướng sĩ, úy lạo các đại thần, sứ giả để động viên, khuyến khích họ làm tròn nhiệm vụ. Điều này thể hiện rõ nhất qua các bài ban cho các tướng đi đánh trận (*Bính Quận công, Điều Quận công, Vệ vũ hầu, Bàn Thạch hầu, Kiên Quận công, Tuân Quận công, Đôn Lãng hầu, Khuông Quận công, Bích Quận công, Miên Quận công, Đông Lãng hầu, Nguyễn Huy Nhuận, Cần Quận công...*), hay các bài thơ ban cho các quan đi nhận nhiệm vụ ở xa kinh thành (*Nguyễn Công Thế, Trình Quận công, Lê Phương hầu...*), hoặc các bài ban khen các viên đại thần nhiều công lao (*Siêu Quận công, Cồn Quận công, Phấn Quận công,*

Vực Quận công...) và các bài ban tặng các sứ thần (*Nguyễn Kiều, Nguyễn Tông Khuê, Vũ Khâm Lân, Nguyễn Huy Oánh...*). Lời thơ trong các bài thơ trên thường tha thiết, ân cần. Những bài thơ khuyến giới có lẽ thường gắn với yêu cầu về mặt chính trị, quân sự của triều đình. Trong chùm thơ *Cật nhung chi pháp* (Phép luyện quân - 12 bài), chúa Trịnh Doanh còn sử dụng cách nói châm biếm để khuyến răn, chỉ bảo tướng sĩ trong luyện tập quân sự, khích lệ họ luyện tập để hoàn thành nhiệm vụ. Qua hình thức châm biếm, ông còn chỉ bảo, uốn nắn những sai sót trong thao luyện của tướng sĩ (Trào quân binh quan bất năng huấn tề, Trào binh phiên phát hiệu, Trào khảo sạ bất trúng...). Đối với những thê thiếp, cung tần mỹ nữ hay các gia nhân trong phủ, trong cung, chúa Trịnh Doanh cũng làm thơ khuyến nhủ, bảo ban họ sống hòa thuận, tình cảm, nên nếp và giữ tròn bổn phận. Tiêu biểu là các bài: *Ban Chính cung, Ban Bắc cung, Ban Nam cung, Ban đệ nhị quận chúa hồi môn, Úy cung nhân an phận*. Tóm lại, loại thơ khuyến giới đã thể hiện rất rõ tính chất “văn học chức năng”, tính chất giáo huấn của dòng thơ ca chúa Trịnh. Mặt khác, nó cũng biểu thị rõ sắc thái văn hóa cung đình của dòng thơ này.

Phong cách cung đình của dòng thơ ca các chúa Trịnh còn thể hiện ở lối thơ tụng ca, thù phụng. Chúa Trịnh và triều sĩ thường làm thơ ca tụng vương triều, đề cao công đức thánh nhân, tưởng nhớ công ơn tổ tiên, đồng thời ca ngợi công đức của chính mình; sáng tác thi ca để trao tặng cho nhau như một món quà, một hình thức xã giao. Qua các cổ thư như *Đại Việt sử ký tục biên, Lịch triều tạp kỷ...* có thể thấy loại thơ văn thù tạc, tụng ca khá phổ biến ở chốn cung

đình thời Lê - Trịnh. Nó bộc lộ một chức năng quan trọng của thi ca do nhu cầu thực tế của đời sống cung đình mà nó cần phải đáp ứng. Tính chất thù tạc, ca tụng của văn học cung đình phản ánh một phương diện khác trong tính chất thực dụng, thực tế của văn học cung đình. Như ta biết, tính thực dụng, thực tế của văn học cung đình thể hiện rõ nhất ở nội dung hành chính công vụ hoặc nội dung thuyết lí, giáo hoá; nhưng nó cũng thể hiện rõ ràng không kém ở nội dung thù tạc, ca tụng này. Hình thức phổ biến nhất của nội dung này là việc các chúa Trịnh làm thơ ban cho quần thần, hoặc quần thần làm thơ dâng tiến lên chúa Trịnh; hoặc có khi các văn thần làm văn, viết thơ trao tặng cho nhau chốn cung đình; hay thơ văn tập hợp các văn thần để xướng họa, nói vần, thử tài thơ văn, ca công tụng đức, hô ứng với nhau; hoặc có khi đó là những chuyến công cán (tuần thú, chinh phạt,...) hay du lãm, vi hành của chúa Trịnh, có đem theo quần thần cùng du ngoạn, thưởng lãm và ca tụng cảnh đẹp non sông đất nước,... Thời Lê - Trịnh, tiếp nối thời Lê sơ, đặc biệt là triều Hồng Đức, nổi tiếng với các tác phẩm thơ văn thù phụng, tặng tống của chúa Trịnh và quần thần. Nhiều tác phẩm có quy mô đã ra đời trong không gian cung đình yên tĩnh, giao đãi hay những chuyến du hành của chúa tôi họ Trịnh, như: *Khâm định thắng bình bách vịnh* (Trịnh Căn), *Lê triều ngự chế quốc âm thi* (Trịnh Cương), *Càn Nguyên ngự chế thi tập* (Trịnh Doanh), *Tâm thanh tôn duy tập* (Trịnh Sâm), *Phụng thị cung kỳ thi tập* (Phạm Nguyễn Du), *Tây hộ mạn hứng* (Ninh Tôn),... Nội dung của các thi tập này cũng không ra ngoài sự tụng ca công đức, sự nghiệp của vua chúa, sự trung thành, tận tụy của bề tôi hay sự

thường ngoạn những thú vui tao nhã của đời sống vương giả, quý tộc.

Loại thơ ca cung đình mang tính thù phụng, tụng ca trong cung đình triều Lê - Trịnh thường tìm đến những mỹ từ trang nhã, những điển cố sang trọng để làm hài lòng người nghe. Vì vậy loại hình thơ ca này khó tránh khỏi sự khuôn sáo, nghi thức; tuy nó thể hiện được sự uyên bác, tao nhã nhưng lại thường công thức, gò bó, ít cảm xúc, ít nội dung thực sự có giá trị văn chương và nhân sinh. Tuy nhiên, với việc nhiều bài thơ của chúa Trịnh thể hiện ước vọng xây dựng đất nước thái bình, thịnh trị, chăm lo cho dân chúng... về cơ bản, nó cũng phù hợp với lợi ích quốc gia, dân tộc ở những mức độ nhất định, chúng hoàn toàn không có giá trị. Đó là chưa kể, trong những tác phẩm mang tính chất thù phụng, ngợi ca ấy có không ít những tác phẩm viết rất hay về thiên nhiên đất nước, về phong cảnh trữ tình, rất có giá trị thẩm mỹ.

Dòng thơ ca Trịnh phủ còn có nhiều bài thơ vịnh vật, vịnh phong cảnh. Thơ đề vịnh các chúa Trịnh thực chất là loại thơ nói chí, thơ tải đạo. Đó là những bài thơ đề vịnh về thiên nhiên, khí hậu, danh lam thắng tích, người và cảnh vật nơi cung vua phủ chúa, nhưng nhiều hơn cả là thơ vịnh các vật như *Vịnh Thủy Tạ thi* (Thơ vịnh nhà Thủy Tạ), *Vịnh quỳnh cái thi* (Thơ vịnh chiếc tán ngọc quỳnh), *Vịnh tân lâu Diệu Hải thi* (Thơ vịnh lầu mới Diệu Hải), *Vịnh long kiêu thi* (Thơ vịnh kiêu rồng), *Vịnh loan xa thi* (Thơ vịnh xe loan), *Vịnh thị kiêu thi* (Thơ vịnh võng châu), *Vịnh tượng thi* (Thơ vịnh voi), *Vịnh mã thi* (Thơ vịnh ngựa), *Vịnh thuyền thi* (Thơ vịnh thuyền), *Vịnh súng thi* (Thơ vịnh súng), *Vịnh cung thi* (Thơ vịnh cung), *Vịnh nổ thi* (Thơ vịnh nổ), *Vịnh kiếm thi* (Thơ vịnh kiếm), *Vịnh bút thi* (Thơ vịnh

bút), *Vịnh nghiên thi* (Thơ vịnh nghiên), *Vịnh phiến thi* (Thơ vịnh quạt), *Quản giáp* (Người kếp hát), *Vịnh tam hữu Thông, Trúc, Mai* (Vịnh ba người bạn Thông, Trúc, Mai), *Đào nương, Đàn trạch* v.v.. Qua vịnh những vật cụ thể như cái cung, cái quạt, cái nỏ, cái đàn, cái kiếm, cái bút... tác giả thể hiện tư tưởng, bày tỏ tình cảm, triết lý. Thậm chí, trước nhiều bài thơ còn có kèm lời dẫn bằng Hán văn bộc lộ lý tưởng đức trị, nhân trị. Các bài thơ đề vịnh của chúa Trịnh đều ngụ ý ngợi ca xã hội thái bình, triều đại thịnh trị, công đức tổ tông mở nền cơ nghiệp và thể hiện niềm tự hào của tác giả về đất nước.

Còn thơ đề vịnh thiên nhiên, phong cảnh, thời tiết của các chúa Trịnh thì khá chải chuốt, điêu luyện. Riêng trong *Khâm định thặng bình bách vịnh* có 11 bài tả phong cảnh chùa chiền, 2 bài viết về 12 tháng trong năm, 4 bài viết về bốn mùa... Trong *Càn Nguyên ngự chế thi tập* có các chùm thơ: *Đông chinh kỷ thặng* (Vịnh thặng cảnh miền Đông) gồm 3 bài, *Tĩnh phương kỷ thặng* (Vịnh phong cảnh các nơi) gồm 14 bài, *Kỳ điện kỷ thặng* (Vịnh phong cảnh kinh thành) gồm 4 bài... Đặc biệt nhất, phải kể đến thơ vịnh phong cảnh thiên nhiên của chúa Trịnh Sâm. Thơ của ông có cái nhìn khám phá, lối miêu tả tinh vi, biểu hiện những rung cảm chân thực của một trí tưởng tượng phong phú, như khi nhà thơ miêu tả vẻ đẹp rực rỡ của hoa mẫu đơn (trong *Vịnh mẫu đơn thịnh khai*):

“Nền đức vun trồng trái mấy sương/
Việc lành sớm ứng bách hoa vương/Màu
phô gấm kết đua muôn đóa/Vẻ sánh sao bày
rõ mấy hàng/Rủ thêm lan, trắng rãi bóng/
Kề toàn ngọc, gió đưa hương/Nhà xuân để
bỏ điềm phồn thịnh/Chu nhã lần xoang chữ
lộng chương”.

Bài thơ thất ngôn xen lục ngôn, nhịp 3/3 với hai vế đối biểu hiện rõ đối tượng miêu tả. Tác giả không chỉ đơn thuần miêu tả vẻ đẹp tuyệt vời của hoa mà còn thể hiện được tình cảm mến yêu loài hoa thanh tao đó... Nhìn chung, thiên nhiên trong thơ ca các chúa Trịnh thường được lựa chọn theo những khuôn mẫu nghệ thuật ước lệ của văn chương Nho giáo, của thơ Đường luật, như: Vịnh Xuân Hạ Thu Đông, vịnh thời tiết, vịnh mười hai tháng, vịnh sơn thủy, vịnh phong hoa tuyết nguyệt, vịnh các loài cây hoa... theo cái lễ tuần hoàn của vũ trụ - lễ tuần hoàn của triết lý cổ phương Đông và bộc lộ cái thú thưởng ngoạn của bậc quân vương. Thơ về phong cảnh thiên nhiên các vị chúa tuy vẫn là những cái “khuôn” đề tài thiên nhiên ước lệ, mang tính phổ biến của thơ ca cổ trung đại và dù có một số bài thơ có sự lặp lại đề tài, tư tưởng, nhưng mảng thơ này vẫn bộc lộ tài năng và bản lĩnh của thi nhân - chúa Trịnh.

3. Đặc trưng thơ ca về ngôn ngữ

Do mang phong cách sáng tác cung đình nên dòng thơ ca chúa Trịnh mặc dù là thơ Nôm (tiếng Việt) nhưng lại thường sử dụng các lớp từ Hán Việt, các điển tích, điển cố thi liệu Hán học, ngữ pháp Hán cổ với tần suất cao (có lẽ cao hơn các tác phẩm thơ Nôm trước đó hoặc gần như đồng thời là thơ Nôm Nguyễn Trãi, thơ Nôm thời Hồng Đức, thơ Nôm Nguyễn Bỉnh Khiêm, Bùi Xương TỰ v.v.). Những từ Hán Việt dễ nhận thấy nhất là những từ đa tiết có nguồn gốc từ chữ Hán (đọc theo âm Hán Việt), như: giang sơn, tùng lâm, ngũ phúc, ngũ thường, ngũ luân, gia môn. Ngoài ra, những

từ đơn tiết có nguồn gốc Hán (đọc theo âm Hán Việt với nghĩa Hán) chưa “hòa nhập” vào kho từ vựng tiếng Việt, và sau này ít được dùng độc lập, cũng được xem là từ Hán Việt, như: nguyệt - trăng; trì - ao, thiên - trời, địa - đất, tư - riêng, quốc - nước, gia - nhà, quy - về v.v.. Từ Hán Việt nhiều nhất là lớp khái niệm về các lĩnh vực chính trị, như: quân thần, dân, đại thống, đạo thống, triều cương, thần cơ, phong giáo, chế độ, cử thố, trí trị, quyền cương, thiên cương, ngũ chính, điều lí, phủ trị; luân lý (trung, hiếu, tiết, nghĩa, nhân, lễ, trí, tín, tam cương, ngũ thường, trung hậu, trinh chính, chí nhân, cương luân...); triết học (tam diệu, tâm, trung đạo, khí, lí, dục, càn tạo, thiên chân, huyền cơ, âm dương, cách vật, trí tri, bĩ thái); thiên văn (thất diệu, Thọ tinh, Đẩu bính, Phúc tinh, nhật, nguyệt, tinh, thần, Bích Hán); tôn giáo (tam thiên thế giới, diệu sắc, Tịnh giới, Tịnh xá, trần duyên, vân tiêu, ưu bát, từ vân, ngũ phúc, thập giới, tam đồ, cửu thiên, độ duyên, Dao Kinh, Bồng Lai...) v.v..

Việc sử dụng nhiều từ Hán Việt có thể do vấn đề vần điệu, khuôn thức bài thơ Đường luật yêu cầu, do thực trạng kho từ vựng tiếng Việt lúc bấy giờ (nhất là trong cung đình, trong môi trường trí thức là những người biết chữ Hán không đòi hỏi bức thiết phải “Việt hóa” triệt để), nhưng cũng có thể do tâm lý, thói quen chuộng sử dụng từ Hán còn phổ biến hoặc do yêu cầu làm trang trọng hóa câu thơ, bài thơ (trong nhiều hoàn cảnh khá quan phương như tiêu dẫn hoặc tiêu đề các bài thơ cho thấy). Ngoài ra, cũng có thể nói đến cá tính, thị hiếu của từng tác giả cũng có ảnh hưởng đến việc sử dụng từ Hán Việt. Tuy nhiên, cũng không thể không nói đến một nguyên

nhân rất thực tế và cũng rất quan trọng là sự tương hợp giữa việc sử dụng lớp từ Hán Việt với nội dung tư tưởng, mục đích sáng tác mà các chúa Trịnh muốn thể hiện.

Nói về mục đích ý nghĩa từ Hán Việt được dùng trong thơ ca, Lã Nhâm Thìn đã khái quát một số trường hợp sau: “Có nội dung xung tụng” (tức ca ngợi triều đại, ca ngợi các nhà cầm quyền... bằng ngôn từ trang trọng, bác học); “thi vị hóa hiện thực” (dùng để miêu tả thiên nhiên, miêu tả đời sống hiện thực một cách bóng bẩy, hoa mỹ); “tư duy mang tính chất khái niệm, triết học” (biểu đạt những khái niệm trừu tượng, những quy luật mang tính triết học) [6]. Tất cả những trường hợp này đều phù hợp với mục đích sáng tác thơ Nôm của các chúa Trịnh: tự ca tụng cảnh thái bình thịnh trị của triều đại mình; thi vị hóa thiên nhiên và đời sống đương thời, bộc lộ bản thân; biểu dương, khuyến khích các lý tưởng triết học, xã hội của Nho giáo (Tống Nho), và của Tam giáo (Nho, Phật, Đạo) v.v.. Nó cũng phù hợp với thị hiếu về hình thức của dòng thơ ca cung đình, bác học mà các chúa Trịnh là những tác giả tiêu biểu.

Bên cạnh đó, dòng thơ ca Trịnh phủ cũng rất ưa thích sử dụng điển tích, điển cố. Điều này cũng dễ hiểu bởi các thi nhân chúa Trịnh vốn được đào tạo bài bản về Hán học, thi văn ngay từ khi còn nhỏ, lại được các văn thần tán trợ ngay cả trong việc làm thơ (như chọn vần sẵn, dạy cho các từ chương, điển cố, thi liệu...). Đối tượng hướng tới của thơ ca các chúa Trịnh lại chủ yếu là tầng lớp trí thức cung đình có học (các nhà nho, các văn thân, tướng lĩnh, cung nhân, các nhà tu hành...) nên họ dùng khá nhiều điển cố, thi liệu Hán học với nội dung biểu đạt rất phong phú: chính trị, xã

hội, con người, thiên nhiên, triết học, văn học, nghệ thuật v.v.. Hơn thế, thơ chúa Trịnh còn thiên về sử dụng nhiều điển tích, điển cố uyên thâm, hóc hiểm, điều này càng cho thấy các chúa Trịnh là những chính trị gia có học thức, trình độ cao; là những nhà Hán học uyên thâm, quảng bác. Có lẽ đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến họ chinh phục được sự phò tá của giới trí thức Nho học vốn khá khát khe trong việc đòi hỏi trình độ văn học ở đẳng quân vương dù công khai hay ngầm ngầm. Và như vậy, việc sử dụng điển tích, thi liệu Hán học ở đây cũng có những mục đích khá thực tiễn.

4. Đặc trưng thơ ca về bút pháp

Dòng thơ ca các chúa Trịnh sử dụng phổ biến bút pháp tượng trưng ước lệ. Họ thường sử dụng những hình tượng có tính ước lệ, tượng trưng để thể hiện các lý tưởng xã hội, các phẩm chất đạo đức, các quan niệm nhân sinh mang màu sắc của Tam giáo trong đó đậm nét nhất vẫn là quan niệm Nho giáo, cũng như các chiêm nghiệm nhân sinh khác. Các hình ảnh tượng trưng, ước lệ cũng được sử dụng để thi vị hóa đối tượng, đặc biệt là phong cảnh thiên nhiên. Thơ ca chúa Trịnh sử dụng rất nhiều sáo ngữ, hình ảnh quen thuộc (mang tính ẩn dụ) để miêu tả các địa danh khác nhau. Những bài thơ vịnh cảnh, vịnh địa danh trong thơ Nôm các chúa Trịnh (mặc dù là những bức “nhãn tiền cảnh trí”) không cụ thể mà na ná như nhau, nghĩa là cùng đẹp về đẹp lung linh, đài các, thanh nhã (dù đó là đền đài, miếu mạo, chùa chiền hay thành quách, đạo lộ, sông ngòi, khe suối... qua đó thể hiện

tâm hồn “thi nhân” nghệ sĩ của các chúa) và cùng biểu hiện một ý chung là tái hiện cảnh thái bình, thịnh trị dưới triều đại của các vị chúa giỏi văn chương này, hoặc thể hiện sự am hiểu, thâm thấu các triết lý mâu nhiệm (Phật giáo, Đạo giáo) của họ.

Ngoài ra, thơ ca các chúa Trịnh cũng kế thừa các tác giả trung đại khác trong việc sử dụng các hình tượng mới (lấy từ thực tiễn đời sống) nhưng nâng lên thành các biểu trưng cho cùng nội dung trên. Tiêu biểu là các bài thơ “vịnh vật” chiếm một số lượng không hề nhỏ. Đó là những bài vịnh đủ các loại đồ vật, sự vật, hiện tượng, từ những sự vật quan trọng, kỳ vĩ đến sự vật hàng ngày, nhỏ bé: *Cung miếu, Đàn Nam giao, Bia Văn Miếu, Con mưa, Nhà thủy tạ, Cái kiệu rồng, Xe loan, Cái võng châu, Cái tán ngọc quỳnh, Cá cò, Con voi, Con ngựa, Con thuyền, Khẩu súng, Cây cung, Cái nỏ, Thanh kiếm, Cái bút, Cái nghiên mực, Cái quạt, Câu cá, Chọi gà* v.v.. Những vật dụng đó đều được sử dụng vào một mục đích chung: ngầm chỉ phẩm chất của người quân tử (ngũ thường), lý tưởng xã hội (tam cương, có vua sáng, chúa giỏi, tôi hiền, dân thuận). Căn cứ vào một vài đặc điểm nổi trội của đối tượng được vịnh, các tác giả liên tưởng, nâng nó lên thành các phẩm chất đạo đức, năng lực cống hiến của bề tôi. Các hình tượng trên được các tác giả tạo ra dựa trên những quan sát thực tế và liên tưởng, kết nối với các phạm trù tư tưởng, triết học. Do đó, chúng là những hình tượng ẩn dụ nằm ở điểm giao thoa giữa tư tưởng và hiện thực tạo thành cách nói lưỡng nghĩa, đa nghĩa rất độc đáo trong thơ Nôm các chúa Trịnh nói riêng và thơ Nôm Đường luật trước và đương thời nói chung.

5. Kết luận

Dòng thi ca các chúa Trịnh mang phong cách sáng tác cung đình và đã có đóng góp quan trọng cho sự phát triển thi ca dân tộc. Đặc biệt, dòng thi ca này lại sáng tác chủ yếu bằng chữ Nôm (loại văn tự mang đậm bản sắc dân tộc), nên nó chính là minh chứng sinh động cho quan điểm: vua chúa phong kiến Việt Nam thời trung đại cũng chú ý đề cao việc sáng tác, phổ biến văn học viết bằng chữ Nôm và tự thân chữ Nôm cũng chứng tỏ được vị thế cung đình, chính thức tham gia vào hoạt động văn hóa văn nghệ chính thống quan phương trong triều đình phong kiến Đại Việt. Có thể nói, chúa Trịnh cũng như nhiều vị quân vương phong kiến phương Đông khác đã luôn ý thức rõ về vai trò của văn chương đối với sự khẳng định tài năng và quyền lực của mình, họ sử dụng sức mạnh của văn học nghệ thuật để giáo huấn, phủ dụ, khuyến giới. Các chúa như Trịnh Căn, Trịnh Cương, Trịnh Doanh... đều yêu thích thơ văn, có ý thức dùng văn học để “nói chí”, “chở đạo” và tô

điểm cho ngôi vị, triều đại. Chính vì vậy, thơ ca các chúa Trịnh là một sản phẩm điển hình cho quan niệm sáng tác đầy tính “công lợi chủ nghĩa” và cho loại hình văn học cung đình thời trung đại ở phương Đông.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, t.2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Mạnh Hoàng (2018), “Thơ ca các chúa Trịnh - một sản phẩm điển hình của dòng văn học cung đình Việt Nam thời trung đại”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 9.
- [3] Ngô Cao Lãng, Xiển Trai (1995), *Lịch triều tạp ký*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Quốc sử quán triều Lê (2012), *Đại Việt sử ký tục biên [1676-1789]*, Nxb Hồng Bàng - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Tá Nhí (Chủ biên) (2008), *Tổng tập văn học Nôm*, t.2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Lã Nhâm Thìn (1998), *Thơ Nôm Đường luật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.